

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC VIỆT NAM
Số: 36/2015/TT-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định việc tổ chức lại tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Cạnh tranh số 27/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định việc tổ chức lại tổ chức tín dụng dưới các hình thức sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng.
- Việc tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty cổ phần.
- Việc ngân hàng thương mại góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.
- Việc Ngân hàng Nhà nước góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc góp vốn, mua cổ phần bắt buộc của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.
- Việc tổ chức lại tổ chức tín dụng theo chủ trương của Chính phủ về cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng thực hiện theo Đề án được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và theo trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này.

6. Việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng bao gồm:

a) Ngân hàng thương mại;

b) Công ty tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lại tổ chức tín dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Sáp nhập tổ chức tín dụng* là việc một hoặc một số tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bị sáp nhập) chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang một tổ chức tín dụng khác (sau đây gọi là tổ chức tín dụng nhận sáp nhập), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của tổ chức tín dụng bị sáp nhập.

2. *Hợp nhất tổ chức tín dụng* là việc hai hoặc một số tổ chức tín dụng (sau đây gọi là tổ chức tín dụng bị hợp nhất) chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp để hình thành một tổ chức tín dụng mới (sau đây gọi là tổ chức tín dụng hợp nhất), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất.

3. *Tổ chức tín dụng sau sáp nhập* là tổ chức tín dụng nhận sáp nhập sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sáp nhập.

4. *Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập* là tổ chức tín dụng bị sáp nhập, tổ chức tín dụng nhận sáp nhập.

5. *Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất* là các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, tổ chức tín dụng bị hợp nhất.

6. *Tổ chức tín dụng đại diện* là tổ chức tín dụng bị hợp nhất được các tổ chức tín dụng bị hợp nhất còn lại ủy quyền làm đầu mối xử lý các vấn đề liên quan đến việc hợp nhất các tổ chức tín dụng.

7. *Tổ chức tín dụng sau tổ chức lại* là tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất, tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý.

8. *Cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng* là cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng.

Điều 4. Các trường hợp tổ chức lại tổ chức tín dụng

1. Các trường hợp sáp nhập tổ chức tín dụng:

a) Ngân hàng thương mại, công ty tài chính sáp nhập vào một ngân hàng thương mại;

b) Công ty tài chính sáp nhập vào một công ty tài chính.

2. Các trường hợp hợp nhất tổ chức tín dụng:

a) Ngân hàng thương mại hợp nhất ngân hàng thương mại thành một ngân hàng thương mại;

b) Ngân hàng thương mại hợp nhất công ty tài chính thành một ngân hàng thương mại;

c) Công ty tài chính hợp nhất công ty tài chính thành một công ty tài chính.

3. Các trường hợp chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng:

a) Ngân hàng thương mại, công ty tài chính chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại;

b) Ngân hàng thương mại, công ty tài chính chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại.

Điều 5. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại tổ chức tín dụng được lập 01 bộ gốc bằng tiếng Việt. Hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch sang tiếng Việt, trừ trường hợp hồ sơ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Các bản sao giấy tờ, văn bản là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Trong bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

Điều 6. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại

1. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại phải phù hợp với phạm vi hoạt động của từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

2. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng sau sáp nhập là các hoạt động của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập. Tổ chức tín dụng sau sáp nhập được bổ sung hoạt động của tổ chức tín dụng bị sáp nhập nếu đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng hợp nhất là các hoạt động của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất nếu tổ chức tín dụng hợp nhất đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Phạm vi hoạt động của tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý là các hoạt động của tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý.

Điều 7. Tư vấn tổ chức lại tổ chức tín dụng

1. Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý được sử dụng dịch vụ tư vấn thực hiện tổ chức lại.

2. Tổ chức tư vấn tổ chức lại phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;

b) Tổ chức tư vấn, người quản lý, người điều hành, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn của tổ chức tư vấn không phải là người có liên quan, khách hàng đang được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý;

c) Không thực hiện tư vấn tài chính, ngân hàng cho các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý trong thời gian 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại.

Điều 8. Công bố thông tin tổ chức lại tổ chức tín dụng

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý phải công bố trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước, trên một tờ báo viết hằng ngày trên toàn quốc trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và các đơn vị trực thuộc các thông tin sau đây:

a) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý;

c) Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý;

d) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý;

đ) Thông tin dự kiến về tổ chức tín dụng sau tổ chức lại, bao gồm: tên, địa chỉ trụ sở chính; vốn điều lệ; người đại diện theo pháp luật; hình thức tổ chức; loại hình hoạt động.

2. Sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức tín dụng sau tổ chức lại phải công bố trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước, trên một tờ báo viết hằng ngày trên toàn quốc trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và các đơn vị trực thuộc các thông tin sau đây:

a) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức tín dụng;

b) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;

c) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;

d) Vốn điều lệ của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;

đ) Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;

e) Hình thức tổ chức của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;

g) Danh sách, tỷ lệ góp vốn của cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, thành viên góp vốn, chủ sở hữu của tổ chức tín dụng sau tổ chức lại;

h) Ngày dự kiến khai trương hoạt động đối với tổ chức tín dụng hợp nhất, tổ chức tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý;

i) Thông tin chính thức chấm dứt hoạt động của tổ chức tín dụng bị sáp nhập, tổ chức tín dụng bị hợp nhất, tổ chức tín dụng được chuyển đổi hình thức pháp lý bao gồm:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính;

(ii) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

(iii) Vốn điều lệ;

(iv) Người đại diện theo pháp luật;

(v) Ngày chấm dứt hoạt động.

3. Các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất được thỏa thuận và thống nhất công bố chung các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

SÁP NHẬP, HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 9. Nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất

1. Thực hiện theo thỏa thuận; bảo đảm hoạt động bình thường của tổ chức tín dụng; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng trong quá trình sáp nhập, hợp nhất.

2. Tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Bảo mật thông tin nhằm đảm bảo hoạt động ổn định của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất trước khi Đề án sáp nhập, hợp nhất được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng thông qua. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất tổ chức tín dụng phải đảm bảo nguyên tắc thận trọng, trung thực, chính xác, không gây hiểu nhầm.

4. Nghiêm cấm việc tẩu tán tài sản dưới mọi hình thức. Việc chuyển nhượng, mua bán tài sản trong quá trình sáp nhập, hợp nhất phải đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên, đảm bảo an toàn tài sản và không ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất.

5. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị hợp nhất hết hiệu lực khi tổ chức tín dụng hợp nhất khai trương hoạt động. Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng bị sáp nhập hết hiệu lực khi tổ chức tín dụng sau sáp nhập đăng ký doanh nghiệp.

Điều 10. Điều kiện sáp nhập, hợp nhất

1. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Không thuộc trường hợp tập trung kinh tế bị cấm, trừ trường hợp được miễn trừ đối với tập trung kinh tế bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;

b) Có Đề án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Điều 13 Thông tư này được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập, hợp nhất thông qua.

2. Sau khi sáp nhập, hợp nhất, tổ chức tín dụng sau sáp nhập, tổ chức tín dụng hợp nhất phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ phần vốn góp, sở hữu cổ phần và điều kiện hoạt động ngân hàng.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập:

a) Đơn đề nghị chấp thuận sáp nhập do người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản của tổ chức tín dụng bị sáp nhập ủy quyền cho tổ chức tín dụng nhận sáp nhập thực hiện các công việc liên quan đến việc sáp nhập theo quy định tại Thông tư này;

- c) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kèm bản sao các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập;
- d) Văn bản của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập báo cáo về việc không vi phạm quy định tập trung kinh tế; hoặc văn bản trả lời của cơ quan quản lý cạnh tranh trong trường hợp tập trung kinh tế phải thông báo; hoặc quyết định cho hưởng miễn trừ của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tập trung kinh tế được hưởng miễn trừ theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;
- đ) Đề án sáp nhập theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;
- e) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua Đề án sáp nhập, Hợp đồng sáp nhập, Điều lệ của tổ chức tín dụng sau sáp nhập và các vấn đề khác liên quan đến sáp nhập tổ chức tín dụng;
- g) Hợp đồng sáp nhập đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua và được người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập ký, trong đó phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp;
- h) Báo cáo tài chính trong 03 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập chưa có báo cáo tài chính của năm liền kề được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận sáp nhập:

- a) Văn bản của người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng nhận sáp nhập đề nghị:
- (i) Chấp thuận sáp nhập, thay đổi về vốn điều lệ; xác nhận đăng ký Điều lệ của tổ chức tín dụng sau sáp nhập;
- (ii) Chấp thuận các nội dung khác (nếu có);
- b) Hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận quy định tại điểm a(ii) khoản này theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Biên bản, nghị quyết, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quyết định của các tổ chức tín dụng tham gia sáp nhập thông qua các nội dung thay đổi tại Đề án sáp nhập và các vấn đề khác có liên quan đến việc sáp nhập (nếu có);
- d) Văn bản của người đại diện hợp pháp tổ chức tín dụng nhận sáp nhập nêu rõ các nội dung thay đổi so với Đề án sáp nhập đã trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập (nếu có);
- đ) Văn bản cam kết của người đại diện hợp pháp tổ chức tín dụng nhận sáp nhập về việc tổ chức tín dụng sau sáp nhập đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hợp nhất

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc hợp nhất:

- a) Đơn đề nghị chấp thuận hợp nhất do người đại diện hợp pháp của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Văn bản của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất ủy quyền cho tổ chức tín dụng đại diện thực hiện các công việc liên quan đến việc hợp nhất theo quy định tại Thông tư này;
- c) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kèm bản sao các văn bản chấp thuận có liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất;
- d) Văn bản của các tổ chức tín dụng bị hợp nhất báo cáo về việc không vi phạm quy định tập trung kinh tế; hoặc văn bản trả lời của cơ quan quản lý cạnh tranh trong trường hợp tập trung kinh tế phải thông báo; hoặc quyết định cho hưởng miễn trừ của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp tập trung kinh tế được hưởng miễn trừ theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;
- đ) Đề án hợp nhất theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;